

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **244B/2021/HS-PT**

Ngày: 28-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lệ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 268/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Đăng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 326A/2021/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đăng N, tên gọi khác: B, sinh năm 1972, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng N1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; chưa có vợ con; tiền sự: không;

Tiền án:

+ Tại bản án số 79/2010/HS-ST ngày 20/7/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 136; 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138; 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt buộc chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là 04 năm 10 tháng tù. Ngày 07/9/2013, Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 985.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Tại bản án số 110/2015/HS-ST ngày 22/9/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 06/3/2017,

bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và chưa thi hành hình phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Nhân thân: Tại bản án số 2470/HSST ngày 15/10/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 185đ của Bộ luật Hình sự năm 1985.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020 – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Đăng N là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 01/12/2020, N đi đến đường “Bùi Viện” thuộc quận 1, thành phố Hồ Chí Minh mua của một người thanh niên (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy (dạng đá) giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), sau khi mua N cất giấu nhằm mục đích sử dụng.

Vào lúc 23 giờ 40 phút ngày 01/12/2020 tại đoạn đường hẻm thuộc khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, N đang cất giấu 01 gói ma túy trong hộp kim loại màu xanh để trong ba lô đeo trên người thì bị Công an phường Tân Hiệp kiểm tra, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Vật chứng thu giữ: 01 (một) gói nilon hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 ba lô vải màu trắng, hoa văn màu đỏ; 01 hộp kim loại hình chữ nhật màu xanh trắng.

- Tại Kết luận giám định số 2779/KLGD-PC09 ngày 07/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: “Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1308 gam, loại: Methamphetamine”.

Tại Bản cáo trạng số 314/CT/VKSBH-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 326A/2021/HS-ST ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng N 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/6/2021, bị cáo gửi đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án quá nghiêm khắc với tội danh bị cáo đã phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đồng thời cho rằng bị cáo không bị xét xử và thi hành bản án số 110/2015/HS-ST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại

hồ sơ đủ cơ sở xác định bị cáo có hai tiền án, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định vào lúc 23 giờ 40 phút ngày 01/12/2020, tại đoạn đường hẻm thuộc khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Đăng N đã có hành vi tàng trữ 0,1308gam ma túy, loại Methamphetamine trong hộp kim loại màu xanh để trong ba lô đeo trên người nhằm mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng không bị xét xử và thi hành Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2015/HS-ST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: tại Lý lịch bị can có xác nhận của Công an phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Trích lục tiền án tiền sự; Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2015/HS-ST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3; Giấy xác nhận phạm nhân chấp hành hình phạt tù của Trại giam Xuyên Mộc ngày 11/3/2021; lời khai thừa nhận của bị cáo tại Biên bản hỏi cung ngày 07/4/2021 về việc chưa thi hành án phí, bồi thường và tiền phạt bổ sung đối với Bản án số 79/2010/HS-ST ngày 20/7/2010 và Bản án số 110/2015/HS-ST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận vào ngày 06/7/2015 có thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị Công an phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Như vậy, đủ cơ sở xác định trình bày của bị cáo là không có căn cứ.

[2.3] Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử nhiều lần, trong đó có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân, sống có ích cho xã hội mà lại tiếp tục vi phạm pháp luật. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo mức án 05 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không

cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 326A/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

2. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đăng N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hưng